TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HSST
Ngày: 20-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dản

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Phạm Thị Hồng Loan

Ông Lê Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

14 giờ ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2019/TLST-HS ngày 20/02/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 03 năm 2019 đối với bị cáo: Phan Đức H (Tên gọi khác: Địa); sinh năm: 1992; nơi sinh: tỉnh Đ; nơi C trú: tổ 1, ấp 6, xã X, huyện C, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Phan Đức T (chết); con bà Phạm Thị H; sinh năm 1970; tiền án: có 02 tiền án:

Ngày 18/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Đ xử phạt 02 năm tù tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/01/2017).

Ngày 27/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đ xử phạt 01 năm 04 tháng tù tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/11/2018; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/12/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an Châu Đức "có mặt".

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc V, sinh năm: 1973.

2. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm: 1972; cùng C trú tại: Ấp H, xã Q, huyện C, tỉnh B(ông C bà V cùng có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Đức T; sinh năm: 1992; C trú tại: Ấp 6, xã X, huyện C, tỉnh Đ (có đơn xin vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1971; C trú tại: Ấp 6, xã X, huyện C, tỉnh Đ "vắng mặt".

2. Bà Phan Thị Kiều N, sinh năm: 1999; C trú tại: Ấp 6, xã X, huyện C, tỉnh Đ "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào sáng ngày 01/12/2018, Phan Đức H gọi điện thoại rủ T (không rõ họ tên, địa chỉ) về thị xã Long K, tỉnh Đ chơi. Tại đây, T rủ H đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; H đồng ý. Sau đó, H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60B5-193.35 chở T đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc V ở Ấp H, xã Q, huyện C, tỉnh B) thì H phát hiện nhà khóa cửa, không có người trông coi. H dừng xe lại đứng ngoài cảnh giới còn T nhặt 01 khúc cây và 01 cục đá bên đường phá cửa đột nhập vào nhà. Sau đó, T lấy trộm được 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số 72F1-264.10 rồi điều khiển xe trên chạy về hướng xã X, huyện C, tỉnh Đ. Khi đến khu vực lô cao su Nông trường Cẩm M thì T dừng xe lại. H và T cùng kiểm tra cốp xe thì phát hiện số tiền 1.800.000đ để trong một bọc nylon màu đen. T đưa cho H 1.000.000đ rồi điều khiển xe mô tô đã lấy trộm được đi tiêu thụ còn H về nhà mình. Khi H về đến nhà thấy có lực lượng Công an nên bỏ xe lại chạy thoát rồi tiêu xài hết số tiền trên.

Quá trình điều tra, bị hại bà Nguyễn Thị Ngọc V khai ngoài chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số 72F1-264.10 bị mất thì bị hại còn bị mất số tiền 20.000.000đ (gồm 1.800.000đ để trong 01 bọc nylon màu đen – là tiền bán hàng và 18.200.000đ là tiền vay vốn ngân hàng chính sách). Tuy Nhiên, qua làm việc bị can H khai chỉ lấy được số tiền 1.800.000đ.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản số 216/HĐĐG ngày 15/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu Đức xác định trị giá 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số 72F1-264.10 là 10.450.000đ.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 19/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Phan Đức H về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quyết định truy tố đối với Phan Đức H. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Đức H mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo Phan Đức H không tranh luận, đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà V, ông C. Bị cáo xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là bà Nguyễn Thị Ngọc V yêu cầu bị cáo Phan Đức H phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số 72F1-264.10 bị mất theo giá mà Hội đồng định giá tài sản kết luận là 10.450.000đ và số tiền 20.000.000đ, tổng cộng là 30.000.000đ. Bà V và ông C cũng xin hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho H.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, nghe ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra trong tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bản Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 19/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố Phan Đức H về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa, Phan Đức H thừa nhận: Sáng ngày 01/12/2018, Phan Đức H đã cùng T (chưa rõ họ tên, địa chỉ) lén lút trộm cắp được 01 xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số 72F1-264.10 trị giá 10.450.000đ và số tiền 1.800.000đ của bà Nguyễn Thị Ngọc V ở tại nhà bà Nguyễn Thị Ngọc V (ở Ấp H, xã Q, huyện C, tỉnh B). Tổng giá trị tài sản mà H chiếm đoạt được là 12.250.000đ. Tài sản mà H chiếm đoạt của bà V giá trị không lớn được quy định tại khoản 1 quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự nhưng H đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên hành vi của H là "Tái phạm nguy hiểm" là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với kết luận điều tra của Công an huyện Châu Đức, với bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thấy: Quan điểm luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức giữ nguyên Cáo trạng số: 34/CT-VKS ngày 19/02/2019, kết luận hành vi phạm tội của bị cáo Phan Đức H là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Bị cáo Phan Đức H là công dân đã trưởng thành, có đầy đủ khả năng nhận thức và chịu trách Nệm trước pháp luật về hành vi của mình. Nhưng bị cáo coi thường pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội nên đã dấn thân vào con đường phạm tội. Chỉ vì tham lam tư lợi, nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi trộm cắp tài sản của bị hại được bị cáo thực hiện một cách cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, để sử dụng cho bản thân là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại mà nó còn gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải có bản án nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Tuy Nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách Nệm hình sự đối với bị cáo để quyết định cho bị cáo H một mức hình phạt phù hợp.

Theo lời khai của H: Trước khi thực hiện tội phạm, bị cáo và T không có sự bàn bạc từ trước. Không có sự chỉ huy phục tùng, không có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người đồng phạm, mà phạm tội mang tính tự phát. Do đó không coi là trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. T là người thục hành, còn H là người giúp sức.

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo H phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo H đã thành khẩn khai báo, nhưng không ăn năn hối cải. Vì vậy cần áp dụng các điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H.

[6] Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự để buộc bị cáo H phải nộp một số tiền để sung quỹ nhà nước.

[7] Đối với T (chưa rõ họ tên, địa chỉ) nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức tiếp tục xác minh và xử lý sau.

[8] **Trách nhiệm dân sự:** Bị hại Nguyễn Thị Ngọc V yêu cầu H phải bồi thường số tiền 30. 000.000đ (gồm 20.000.000đ để trong cốp xe và giá trị xe mô tô 72F1-264.10 bị mất là 10. 000.000đ).

Bị cáo H đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà V, ông C.

Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo H với bà V, ông C.

Đối với số tiền H phải liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bà V thì giành quyền khởi kiện cho H đối với T khi xác định được T là người thực hiện hành vi trộm cắp xe của bà V cùng với H.

Kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ đối tượng tên T (là người đi trộm cắp cùng H) để làm rõ chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số 72F1-264.10 của bà V và có số tiền 18.200.000đ trong cốp xe hay không để xử lý.

[9] **Xử lý vật chứng**: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển số 60B5-193.35 của Phan Đức T (là em trai của H). T không biết H dùng xe mô tô trên đi trộm cắp tài sản. Ngày 18/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức đã trả lại cho Đức T (đã xử lý xong).

01 xe mô tô hiệu Honda Wave RS biển số 72F1-264.10 của bà Nguyễn Thị Ngọc V, T đã điều khiển xe đi tiêu thụ (H không biết tiêu thụ ở đâu) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức chưa thu hồi được, nên chưa xem xét.

Đối với khúc cây và 01 cục đá T dùng để phá khóa sau đó vứt đi (không nhớ vứt ở đâu) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức không thu hồi được, nên không xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo Phan Đức H phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 750.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Phan Đức H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Hình phạt chính:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 50; điểm b khoản 2 Điều 53; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Phan Đức H 30 (ba mươi) tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*". Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 14/12/2018 (ngày mười bốn, tháng mười hai, năm hai nghìn mười tám).

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Đức H phải nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Phan Đức H với bà Nguyễn Thị Ngọc V, ông Huỳnh Văn C là H đồng ý bồi thường cho bà V, ông C số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Án phí: Bị cáo Phan Đức H nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 750.000đ phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/3/2019), bị cáo H, bà V và ông C có quyền kháng cáo. Đối với ông T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Cỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR - VT;
- Phòng PV 06 (CA tỉnh BR - VT);
- Phòng PC 10 (CA tỉnh BR - VT);
- Sở tư pháp tỉnh BR - VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- CA huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phạm Văn Dản